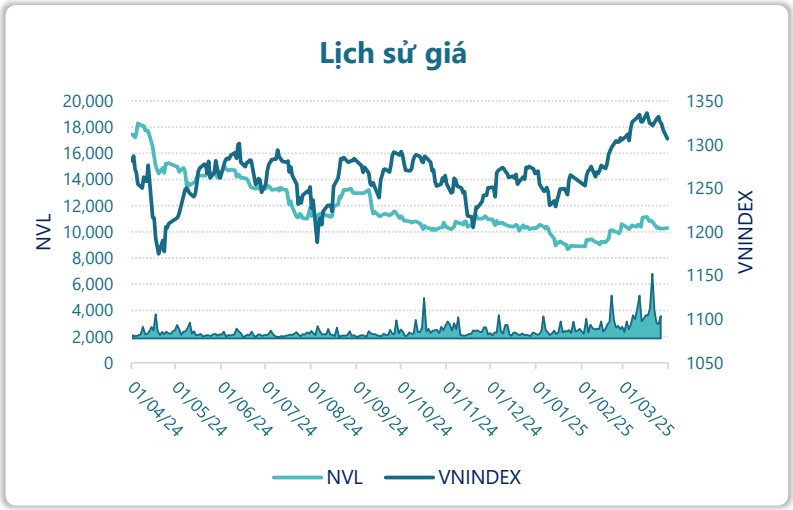
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,680
SL cổ phiếu LH	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,980,355
% sở hữu nước ngoài	4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20,086
P/E	-3.2
EPS	-3,241

DT thuần

Q1/25

1,778

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,001| -62.8%

YoY: ▲ 1,081| 155%

LN sau thuế

Q1/25

-476

tỷ VNĐ

QoQ: ▼502| -1961%

YoY: ▲ 125| 20.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-25.0%

+/- YoY: ▼ 73.9%

DT thuần

2024

9,073

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,316| 90.7%

LN sau thuế

2024

-4,395

tỷ VNĐ

YoY: ▼4,881| -1004%

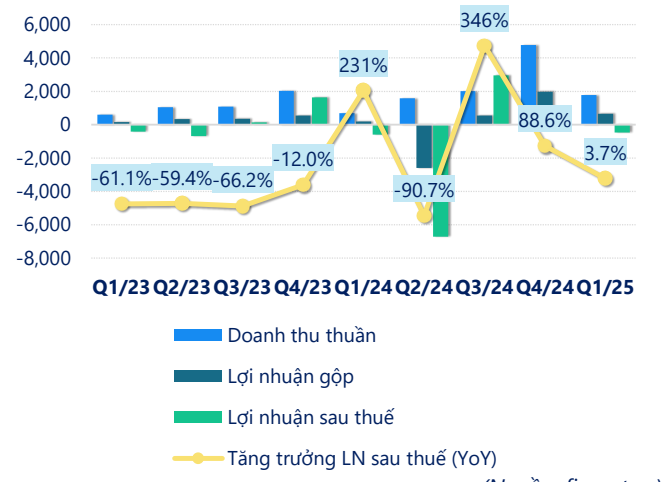
ROE

2024

-13.9%

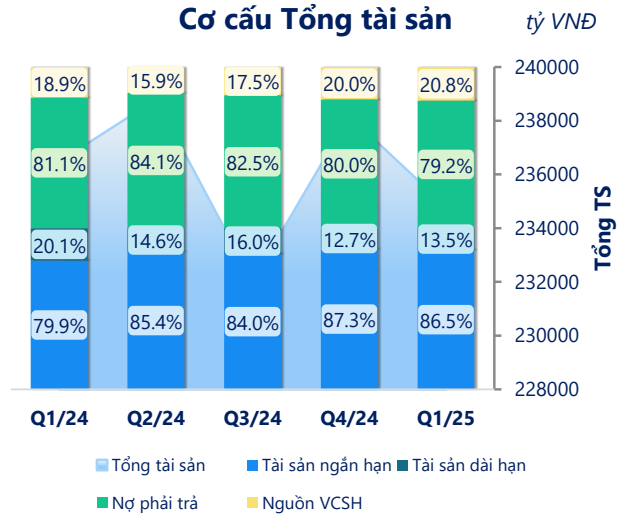
+/- YoY: ▼ 15.3%

Kết quả kinh doanh



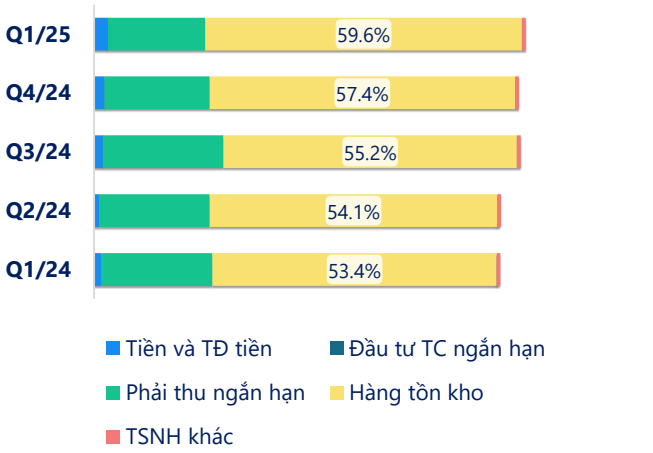
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



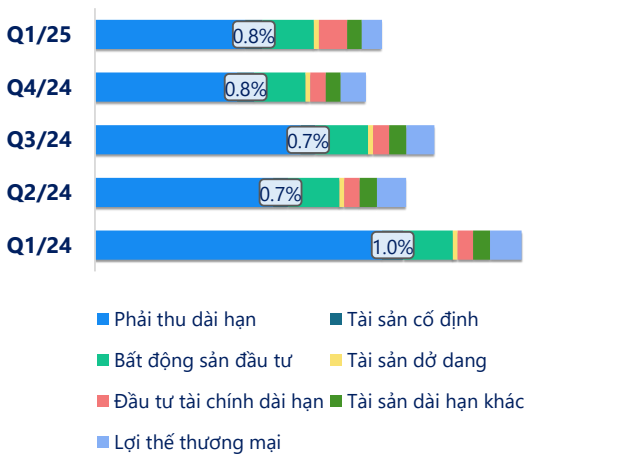
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



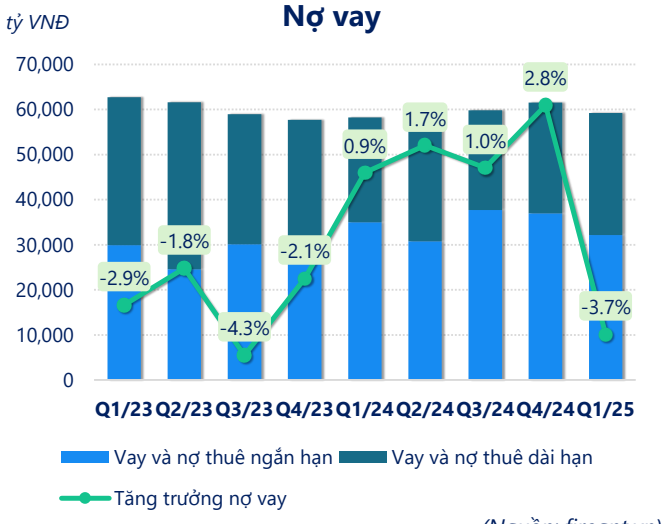
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



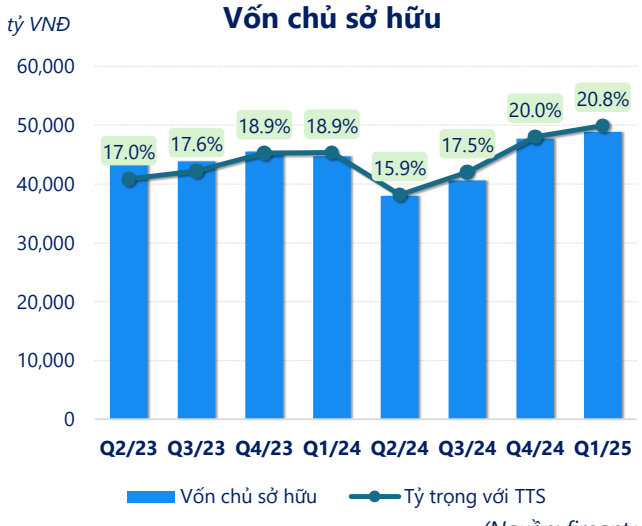
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



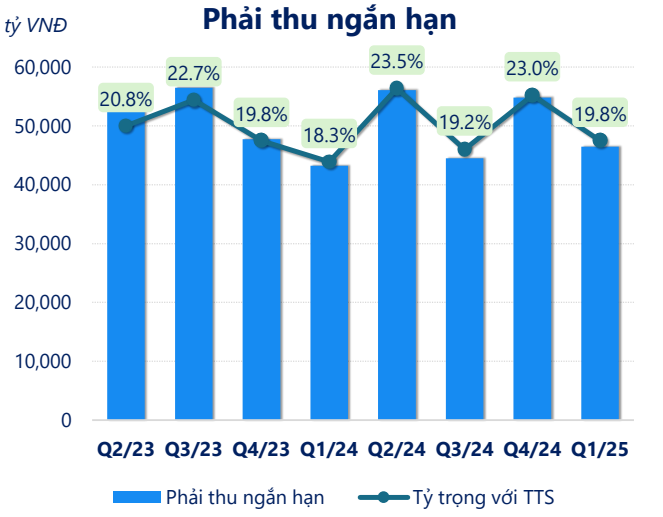
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



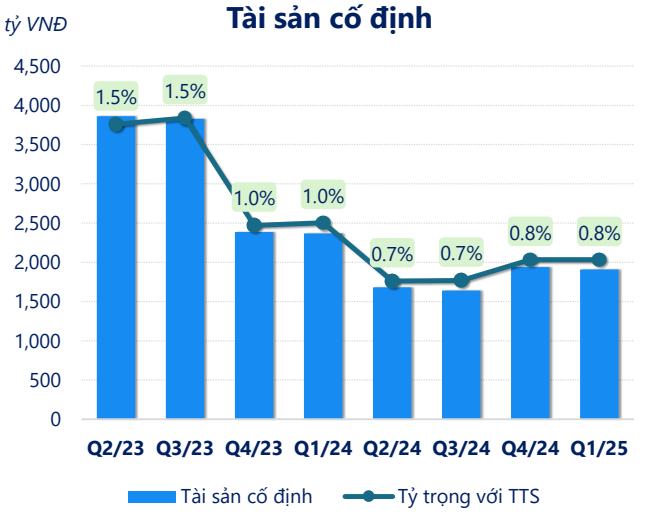
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



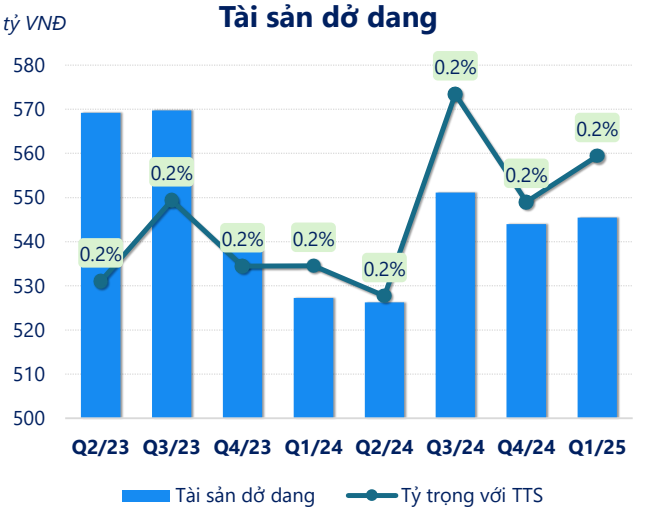
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



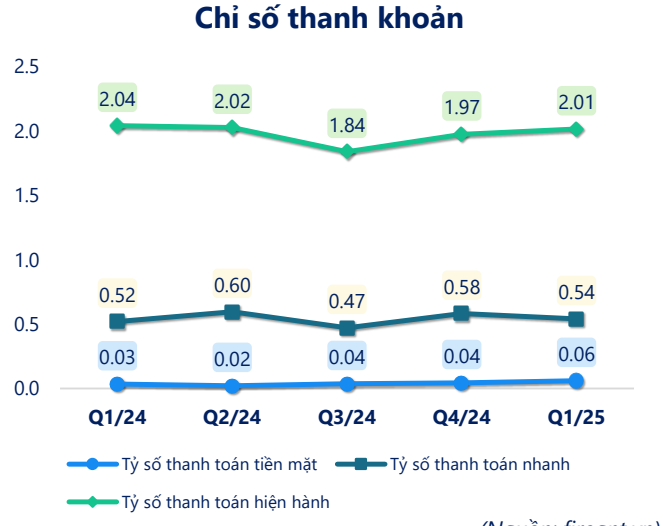
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



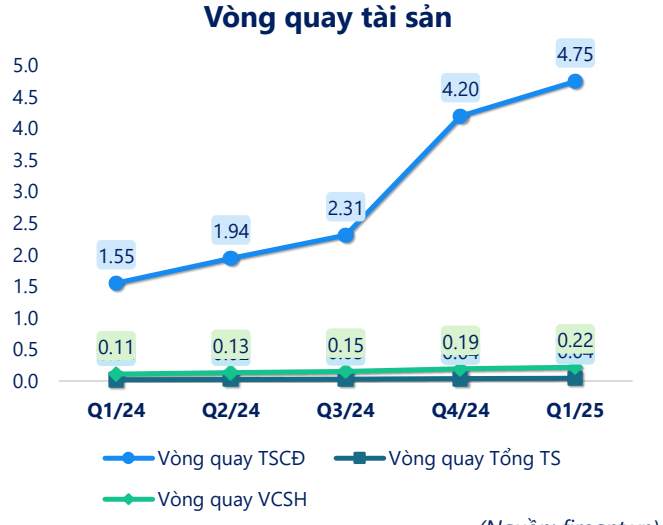
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**236,480**	**238,792**	**232,029**	**238,181**	**234,807**
Tài sản ngắn hạn	**189,060**	**203,872**	**194,988**	**207,831**	**203,124**
Tiền và tương đương tiền	3,139	2,145	3,820	4,608	6,084
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	30.7	33.0	31.2	42.5
Phải thu ngắn hạn	43,251	56,082	44,489	54,818	46,465
Hàng tồn kho	140,882	143,903	145,006	146,611	148,639
Tài sản ngắn hạn khác	1,754	1,712	1,640	1,764	1,894
Tài sản dài hạn	**47,420**	**34,920**	**37,041**	**30,350**	**31,682**
Phải thu dài hạn	31,920	19,996	22,432	15,910	16,588
Tài sản cố định	2,369	1,682	1,641	1,938	1,909
Bất động sản đầu tư	5,504	5,785	5,730	5,737	5,680
Tài sản dở dang	527	526	551	544	545
Đầu tư tài chính dài hạn	1,729	1,725	1,726	1,714	3,116
Tài sản dài hạn khác	1,885	1,933	1,899	1,658	1,627
Lợi thế thương mại	3,485	3,273	3,061	2,849	2,218
Nợ phải trả	**191,778**	**200,817**	**191,406**	**190,473**	**185,951**
Nợ ngắn hạn	**92,659**	**100,680**	**106,078**	**105,346**	**100,873**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35,019	30,751	37,674	36,946	32,164
Phải trả người bán ngắn hạn	9,714	9,095	9,006	8,509	8,429
Nợ dài hạn	99,119	100,137	85,328	85,127	85,078
Vay và nợ thuê dài hạn	23,214	28,464	22,163	24,586	27,094
Nguồn vốn chủ sở hữu	**44,702**	**37,975**	**40,623**	**47,708**	**48,855**
Vốn chủ sở hữu	**44,702**	**37,975**	**40,623**	**47,708**	**48,855**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	19,501	19,501	19,501
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)